

Số: 287/BC-TCKH

Thanh Miện, ngày 30 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH
THỰC HIỆN DỰ TOÁN 9 THÁNG NĂM 2022

Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện báo cáo công khai kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2022, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2022

1. Thu ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC THU 9 THÁNG NĂM 2022	ĐẠT TỶ LỆ (%)		
					SO VỚI TỈNH GIAO	SO VỚI HUYỆN GIAO	SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2020
	TỔNG THU	310.750	310.750	379.108	122,0	122,0	101,4
	TỔNG THU NSNN TRỪ TIỀN ĐẤT	60.750	60.750	66.669	109,7	109,7	107,2
1	Thu khu vực DNNN	200	200	545	272,5	272,5	209,6
2	Thu ngoài quốc doanh	15.200	15.200	18.731	123,2	123,2	96,5
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.280	2.280	2.737	120,0	120,0	
	- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	12.920	12.920	15.673	121,3	121,3	
	- Thu khác (tiền chậm nộp)		0	321			
3	Lệ phí trước bạ	20.000	20.000	21.427	107,1	107,1	109,2
	- Trước bạ nhà đất	1.400	1.400	3.108	222,0	222,0	
	- Trước bạ tài sản	18.600	18.600	18.319	98,5	98,5	
4	Thuế sử dụng đất phi NN	900	900	1.514	168,2	168,2	
5	Thuế bảo vệ môi trường		0	271			
6	Thu phí và Lệ phí	2.350	2.350	1.904	81,0	81,0	
	- Phí, Lệ phí thông thường	1.465	1.465	1.030	70,3	70,3	
	- Lệ phí môn bài	885	885	874	98,8	98,8	
7	Thuế Thu nhập cá nhân	5.500	5.500	6.774	123,2	123,2	97,1
8	Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	312.439	125,0	125,0	100,2
	- Thu tiền đất dự án KDC	48.000	48.000		0,0	0,0	
	- Thu tiền sử dụng đất ở nông thôn	200.000	200.000	311.045	155,5	155,5	
	- Thu tiền đất dôi dư	2.000	2.000	1.394	69,7	69,7	
9	Thu tiền thuê đất	800	800	467	58,4	58,4	
10	Thu khác NS (phạt, tịch thu, khác)	14.000	14.000	11.613	83,0	83,0	134,1
11	Thu tại xã (HLCS; quỹ đất công)	1.800	1.800	3.423	190,2	190,2	121,8

2. Chi ngân sách huyện

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 9 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG	537.240	373.151	69,5	
A	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	185.973	124.493	66,9	
I	Từ nguồn vốn KH đầu tư công năm 2022	185.973	89.795	48,3	
1	Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung	17.973	10.000	55,6	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	168.000	79.795	47,5	
II	Từ các nguồn vốn khác	-	34.698		
1	Nguồn DT NSH năm 2022 (hỗ trợ chi DT)		975		
2	Nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang		33.723		
B	CHI THUƯỜNG XUYÊN	341.553	246.978	72,3	
I	Sự nghiệp kiến thiết Kinh tế	15.546	12.832	82,5	
1	Sự nghiệp Giao thông	2.080	1.327	63,8	
2	Sự nghiệp Nông nghiệp và PCLB	6.185	4.731	76,5	
	- Sự nghiệp Nông nghiệp	4.555	3.386	74,3	
	- Phòng chống lụt bão	190	119	62,6	
	- Làm thủy lợi Đông Xuân 2021-2022	990	975	98,5	
	- Kinh phí Đề án cấy máy	299	166	55,4	
	- Hỗ trợ sản phẩm DV công ích thủy lợi, DT ngoài lưu vực do địa phương thực hiện	151	86	56,6	
3	SN Kinh tế, Kiến thiết thị chính, Môi trường	7.281	6.774	93,0	
	- Sự nghiệp Môi trường	258	208	80,6	
	- Sự nghiệp Kiến thiết thị chính	1.036	617	59,6	
	- Chi phí đầu giá QSD đất	758	758	100,0	
	- Chi phí quy hoạch, đo đạc, kế hoạch sd đất	40	3.100	7.750,5	
	- Sự nghiệp Kinh tế khác	5.190	2.091	40,3	
II	Sự nghiệp Văn - Xã	283.635	205.244	72,4	
1	Sự nghiệp Giáo dục	238.993	160.733	67,3	
2	Sự nghiệp Đào tạo	2.143	1.343	62,7	
3	Sự nghiệp văn hóa, TDTT	2.162	1.791	82,8	
	- Sự nghiệp văn hoá	1.116	912	81,7	
	- Sự nghiệp TDTT	1.046	879	84,1	
4	Sự nghiệp phát thanh	1.399	931	66,5	
5	Chi đảm bảo xã hội	38.587	40.305	104,5	
6	Sự nghiệp y tế	351	141	40,2	
III	Chi quản lý hành chính	30.918	24.699	79,9	
1	Quản lý Nhà nước và HĐND	16.510	12.667	76,7	
2	Kinh phí Đảng	8.799	8.161	92,8	
3	Đoàn thể và các Hội	5.609	3.871	69,0	

TT	CHỈ TIÊU CHI	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 9 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
IV	Chi khác ngân sách	3.424	3.410	99,6	
1	Chi An ninh	351	351	100,0	
2	Chi Quốc phòng	2.791	2.791	100,0	
3	Chi khác	282	268	95,2	
V	Khen thưởng các ngành	1.361	792	58,2	
VI	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	6.669		-	
C	CHI DỰ PHÒNG	9.714	1.680	17,3	

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công ngân sách huyện năm 2022

Tại kỳ họp thứ năm của HĐND huyện khóa 20, UBND huyện đã trình HĐND huyện thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022, vốn ngân sách huyện, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2022, số tiền: 9.723.000.000 đồng, đối với dự án Xây dựng một số HMPT Trường THCS Nguyễn Lương Bằng tại vị trí mới: 5.000.000.000 đồng; Điều chỉnh giảm nguồn dự phòng và hỗ trợ khác trong kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách huyện: 4.723.000.000 đồng. Lý do: Không có khả năng giải ngân hết vốn giao năm 2022.

- Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với 05 dự án, số tiền: 9.723.000.000 đồng, gồm: Dự án: Cải tạo, nâng cấp cổng chào phía Đông huyện: 500.000.000 đồng; Dự án: Cải tạo, nâng cấp cổng chào phía Bắc huyện: 500.000.000 đồng; Dự án: Xây dựng Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Lương Bằng, huyện Thanh Miện: 1.973.000.000 đồng; Dự án: Xây dựng Khu hành chính tập trung huyện; Hạng mục: Đường giao thông và hệ thống thoát nước (giai đoạn 1): 1.500.000.000 đồng; Dự án: Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến Cầu Neo cũ) và Cải tạo vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Thanh Miện (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến cổng chào phía Đông): 5.250.000.000 đồng;

4. Đánh giá chung

4.1. Những kết quả đạt được

a) Đối với nhiệm vụ thu ngân sách

Với sự quyết tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị và các địa phương, nhiệm vụ thu ngân sách 9 tháng năm 2022 đã đảm bảo tiến độ kế hoạch theo yêu cầu đặt ra. Tổng thu NSNN trên địa bàn ước đạt 122% so với dự toán được giao và bằng 101,4% so với cùng kỳ; trong đó: Tổng thu trừ tiền sử dụng đất đạt 109,7% so với dự toán và bằng 107,2% so với cùng kỳ năm 2021. Dù mới hết quý III, nhưng đã có 7/10 chỉ tiêu đạt và vượt dự toán năm (thu khu vực DNN, thu ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, tiền sử dụng

đất, thu tại xã). Các khoản thu còn lại cũng đạt tỷ lệ khá cao so với dự toán (chi tiết theo phụ lục kèm theo).

b) Đối với nhiệm vụ chi ngân sách

Tổng chi ngân sách huyện 9 tháng ước bằng 69,5% so với dự toán; trong đó: Chi đầu tư XD CB bằng 66,9%; chi thường xuyên bằng 72,3%; chi dự phòng bằng 17,3% dự toán.

Chi đầu tư XD CB bằng 66,9% dự toán, bao gồm: chi từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 là 89 tỷ 795 triệu đồng, bằng 48,3% kế hoạch; Còn lại chi từ nguồn hỗ trợ đầu tư là 975 triệu đồng, chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang là 33 tỷ 723 triệu đồng.

Chi thường xuyên bằng 72,3% dự toán, bao gồm: Kinh phí chi cho con người, chi hoạt động nghiệp vụ và kinh phí chi đặc thù, chi khác của 9 tháng năm 2022 (chi tiết theo phụ lục kèm theo).

Chi dự phòng ngân sách huyện ước bằng 17,3% dự toán gồm: Chi bổ sung, hỗ trợ các nhiệm vụ đột xuất phát sinh của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Nhìn chung, chi ngân sách huyện 9 tháng năm 2022 đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu về nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong năm. Công tác quản lý, điều hành kế hoạch vốn đầu tư công của huyện được chú trọng quan tâm; kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch để các dự án, công trình được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư của huyện. Việc phân bổ, hỗ trợ nguồn vốn theo các chương trình của huyện đã giúp các địa phương đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới nâng cao và góp phần giảm khó khăn về nguồn thu tiền sử dụng đất. Công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả; kinh phí chi thực hiện các chế độ, chính sách đảm bảo kịp thời, đầy đủ; chủ động cân đối nguồn kinh phí để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn huyện.

4.2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

a) Về thu ngân sách:

Công tác phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước còn hạn chế. Tình trạng nợ thuế, chậm nộp thuế, khoán ở khu vực cá nhân kinh doanh vẫn còn xảy ra, các biện pháp truy thu nợ đọng về thuế chưa phát huy hiệu quả.

b) Về chi ngân sách:

- Tiến độ thi công xây dựng một số dự án lớn của huyện chưa đảm bảo so với kế hoạch ban đầu, ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 và việc thanh toán, hoàn ứng vốn nhà thầu đã tạm ứng theo hợp đồng.

Nguyên nhân: Dự án xây dựng Hội trường, Nhà văn hóa trung tâm huyện Thanh Miện và các hạng mục phụ trợ, chậm tiến độ là do có thời điểm nhà thầu thi công phải tạm dừng hoạt động để xem xét, điều chỉnh lại quy hoạch chi tiết xây dựng Khu hành chính tập trung của huyện, do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Dự án Cải tạo đường xã Hồng Phong đoạn nối từ đường tỉnh 392B đến đường huyện Cao Thắng – Tiền Phong, chậm thời gian khởi công do có một số khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư.

- Một số dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới huyện giao cho các xã làm chủ đầu tư, đến tháng 9 năm 2022 chưa giải ngân nguồn vốn là do chưa hoàn thành việc xây dựng, nên chưa tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất và chưa có nguồn thu tiền đất vào ngân sách. Ngoài ra, có dự án còn vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB nên chưa khởi công xây dựng.

II. Một số nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng còn lại năm 2022

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thu NSNN, trọng tâm là: Tiến hành rà soát, khai thác tối đa các nguồn thu mới, các khoản thu vãng lai và các khoản thu có khả năng đạt mức thu cao, để bù đắp cho các khoản thu đang gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19; đảm bảo toàn bộ các chỉ tiêu thu năm 2022 đều hoàn thành ở mức cao.

- Tiếp tục làm tốt công tác xử lý nợ đọng về thuế, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và sẵn sàng thực hiện biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế nếu doanh nghiệp, người nộp thuế cố tình không thực hiện. Chủ động đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện ngay việc nộp thuế khi hết thời gian giãn nộp thuế theo quy định của Chính phủ.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ thu sản phẩm HLCS từ quỹ đất công ích và đất công, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu tại xã, phần đầu năm 2022 các địa phương phải có tăng thu thường xuyên để có nguồn thực hiện CCTL và chi phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách

2.1. Đối với chi đầu tư XD CB

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với các địa phương khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị, thực hiện đầu tư, để sớm triển khai thi công xây dựng công trình theo đúng kế hoạch.

- Đối với các dự án, công trình đang thi công xây dựng, chỉ đạo tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để thực hiện ngay việc hoàn ứng vốn đã tạm ứng theo hợp đồng và giải ngân, thanh toán nguồn vốn đã bố trong kế hoạch đầu tư công năm 2022. Đối với các dự án, công trình đã hoàn thành toàn bộ việc thi công xây dựng, yêu cầu chủ đầu tư phối hợp hoàn tất việc lập báo cáo quyết

toán dự án hoàn thành để thẩm định, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

- Trong Quý IV năm 2022, phải thực hiện việc rà soát, cắt giảm, điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án, công trình không đủ điều kiện triển khai, hoặc triển khai chậm tiến độ, sang các dự án, công trình có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn. Phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022.

2.2. Đối với chi thường xuyên

- Khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động nghiệp vụ đã được bố trí trong dự toán đầu năm. Thực hiện việc quản lý, điều hành kinh phí chi thường xuyên đảm bảo cân đối theo đúng dự toán được giao.

- Thực hiện chi kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách cho người có công, chi hỗ trợ hộ nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các nhiệm vụ chi, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành. Tiếp tục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước.

Trên đây là báo cáo công khai kết quả thu, chi ngân sách 9 tháng và một số nhiệm vụ trọng tâm còn lại 3 tháng cuối năm 2022.

Nơi nhận:

- TT. HDND huyện;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Công TTĐT huyện Thanh Miện (đăng công khai);
- Lưu: VT, TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Thiệp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2022

(Đính kèm Báo cáo số 287/BC-TCKH ngày 30/9/2022 của phòng TC-KH huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	310.750	379.108	122,0	101,4
I	Thu cân đối NSNN	310.750	379.108	122,0	101,4
1	Thu nội địa	310.750	379.108,0	122,0	101,4
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	537.240,0	373.151,0	69,5	103,2
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	537.240	373.151,0	69,5	103,2
1	Chi đầu tư phát triển	185.973	124.493,0	66,9	
2	Chi thường xuyên	334.884	246.978,0	73,8	
3	Dự phòng ngân sách	9.714	1.680,0	17,3	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.669		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

PHỤ LỤC SỐ 1
ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: **H087** /BC-TCKH ngày **30** /9/2022 của Phòng TC-KH huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2022	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC THU 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022	ĐẠT TỶ LỆ (%)		
					SO VỚI TỈNH GIAO	SO VỚI HUYỆN GIAO	SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021
	TỔNG THU	310.750	310.750	379.108	122,0	122,0	101,4
	TỔNG THU NSNN TRỪ TIỀN ĐẤT	60.750	60.750	66.669	109,7	109,7	107,2
1	Thu khu vực DNNN	200	200	545	272,5	272,5	209,6
2	Thu ngoài quốc doanh	15.200	15.200	18.731	123,2	123,2	96,5
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.280	2.280	2.737	120,0	120,0	
	- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	12.920	12.920	15.673	121,3	121,3	
	- Thu khác		0	321			
3	Lệ phí trước bạ	20.000	20.000	21.427	107,1	107,1	109,2
	- Trước bạ nhà đất	1.400	1.400	3.108	222,0	222,0	
	- Trước bạ tài sản	18.600	18.600	18.319	98,5	98,5	
4	Thuế sử dụng đất phi NN	900	900	1.514	168,2	168,2	
5	Thuế bảo vệ môi trường		0	271			
6	Thu phí và Lệ phí	2.350	2.350	1.904	81,0	81,0	
	- Phí, Lệ phí thông thường	1.465	1.465	1.030	70,3	70,3	
	- Lệ phí môn bài	885	885	874	98,8	98,8	
7	Thuế Thu nhập cá nhân	5.500	5.500	6.774	123,2	123,2	97,1
8	Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	312.439	125,0	125,0	100,2
	- Thu tiền đất dự án KDC	48.000	48.000		0,0	0,0	
	- Thu tiền sử dụng đất ở nông thôn	200.000	200.000	311.045	155,5	155,5	
	- Thu tiền đất dôi dư	2.000	2.000	1.394	69,7	69,7	
9	Thu tiền thuê đất	800	800	467	58,4	58,4	
10	Thu khác NS (phạt, tịch thu, khác)	14.000	14.000	11.613	83,0	83,0	134,1
11	Thu tại xã (HLCS; quỹ đất công)	1.800	1.800	3.423	190,2	190,2	121,8

PHỤ LỤC SỐ 2
ƯỚC CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số **28/9** TC/KH ngày **30** /9/2022 của Phòng TC-KH huyện)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 9 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (I+II+III)	537.240,0	373.150,5	69,5	
I	CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	185.973,0	124.493,0	66,9	
1	Từ nguồn vốn đầu tư công năm 2022	185.973,0	89.795,0	48,3	
-	Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung	17.973,0	10.000,0	55,6	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	168.000,0	79.795,0	47,5	
2	Từ nguồn vốn khác	0,0	34.698,0		
-	Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	0,0	975,0		
-	Nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang	0,0	33.723,0		
II	CHI THUƯỜNG XUYÊN	341.553,0	246.977,5	72,3	
1	SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT KINH TẾ	15.546,0	12.831,8	82,5	
1.1	Sự nghiệp giao thông	2.080,0	1.327,0	63,8	
1.2	Sự nghiệp nông nghiệp và PCLB	6.185,0	4.731,2	76,5	
-	Sự nghiệp nông nghiệp	4.555,0	3.386,0	74,3	
-	Sự nghiệp phòng, chống lụt bão	190,0	119,0	62,6	
-	Làm thủy lợi Đông Xuân 2021-2022	990,0	975,0	98,5	
-	Kinh phí Đề án cây mạy	299,0	165,7	55,4	
-	Thủy lợi phí: giá DV công ích thủy lợi phí phân hiện	151,0	85,5	56,6	
1.3	Sự nghiệp kinh tế, KTTC, MT	7.281,0	6.773,6	93,0	
-	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	1.036,0	617,0	59,6	
-	Sự nghiệp môi trường	257,5	207,5	80,6	
-	Văn phòng đăng ký QSD đất	190,0	91,4	48,1	
-	Chi phí đầu giá QSD đất	757,5	757,5	100,0	
-	Chi phí quy hoạch, đo đạc	40,0	3.100,2	7.750,5	
-	Sự nghiệp kinh tế khác	5.000,0	2.000,0	40,0	
2	SỰ NGHIỆP VĂN - XÃ	283.635,0	205.244,0	72,4	
2.1	Sự nghiệp Giáo dục	238.993,0	160.733,0	67,3	
2.2	Sự nghiệp Đào tạo	2.143,0	1.343,0	62,7	
2.3	Sự nghiệp Văn hoá, TDTT	2.162,0	1.791,0	82,8	
-	Sự nghiệp Văn hóa	1.116,2	912,0	81,7	
-	Sự nghiệp Thể dục, thể thao	1.045,8	879,0	84,0	
2.4	Sự nghiệp Phát thanh	1.399,0	931,0	66,5	
2.5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	38.587,0	40.305,0	104,5	
2.6	Sự nghiệp Y tế	351,0	141,0	40,2	
3	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	30.918,0	24.699,3	79,9	
3.1	Kinh phí quản lý Nhà nước và HĐND	16.510,2	12.666,9	76,7	
*	Hội đồng nhân dân huyện	1.055,6	844,0	80,0	
*	Văn phòng HĐND và UBND	3.655,4	2.918,0	79,8	
*	Phòng Nội vụ	701,3	516,0	73,6	
*	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.171,4	882,0	75,3	

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO NĂM 2022	ƯỚC CHI 9 THÁNG NĂM 2022	TỶ LỆ % SO VỚI DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	* Phòng Tài nguyên và Môi trường	990,5	698,0	70,5	
	* Phòng Nông nghiệp và PTNT	656,5	489,0	74,5	
	* Thanh tra huyện	692,0	488,0	70,5	
	* Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.013,4	625,0	61,7	
	* Phòng Văn hoá và Thông tin	670,2	437,0	65,2	
	* Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.200,9	791,0	65,9	
	* Phòng Lao động TB và XH	680,9	552,0	81,1	
	* Phòng Tư pháp	635,2	465,0	73,2	
	* Phòng Y tế	283,5	206,0	72,7	
	* Hỗ trợ CSVC các phòng, đơn vị, các xã, TTr	900,0	900,0	100,0	
	* Ứng dụng CNTT UBND huyện	360,0	360,0	100,0	
	* Hỗ trợ trang thiết bị nhà 1 cửa của huyện và các xã, TTr	900,0	900,0	100,0	
	* Hỗ trợ KP thực hiện NQ Đại hội Đảng	350,0	212,5	60,7	
	* Hỗ trợ chi khác	593,4	383,4	64,6	
3.2	Kinh phí Đảng	8.798,8	8.161,0	92,8	
3.3	Đoàn thể và các Hội	5.609,0	3.871,4	69,0	
	* Mặt trận Tổ quốc	1.022,4	620,0	60,6	
	* Hội Phụ nữ	681,8	452,0	66,3	
	* Đoàn thanh niên	739,9	463,0	62,6	
	* Hội Nông dân	880,0	623,0	70,8	
	* Hội Cựu chiến binh	402,0	356,0	88,6	
	* Hội Chữ thập đỏ	323,9	235,0	72,6	
	* Hội Người mù	359,0	231,0	64,3	
	* Hội Khuyến học	121,5	86,0	70,8	
	* Hội Cựu thanh niên xung phong	121,5	121,5	100,0	
	* Hội Người cao tuổi	85,8	61,0	71,1	
	* Hội Nạn nhân chất độc da cam	121,5	85,0	69,9	
	* Hội Đông y	40,0	50,0	125,0	
	* Hội Luật gia	40,0	28,9	72,3	
	* Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ	70,0	42,0	60,0	
	* Ban chỉ đạo hoạt động Tôn giáo	30,0	30,0	100,0	
	* Ban chỉ đạo quy chế dân chủ cơ sở	30,0	30,0	100,0	
	* Kinh phí thực hiện QĐ 99-TW	150,0	92,0	61,3	
	* Ban bảo vệ sức khỏe nhân dân	50,0	36,0	72,0	
	* Hỗ trợ chi khác	339,8	229,0	67,4	
4	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	3.424,0	3.410,4	99,6	
4.1	An ninh	351,0	351,0	100,0	
4.2	Quốc phòng địa phương	2.791,0	2.791,0	100,0	
4.3	Chi khác	282,0	268,4	95,2	
-	Chi cục Thi hành án dân sự	40,0	26,4	66,0	
-	Công an huyện	30,0	30,0	100,0	
-	Ban chỉ huy quân sự	212,0	212,0	100,0	
5	KHEN THƯỞNG CÁC NGÀNH	1.361,0	792,0	58,2	
6	TIẾT KIỂM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	6.669,0		0,0	
III	DỰ PHÒNG	9.714,0	1.680,0	17,3	

PHỤ LỤC SỐ 03

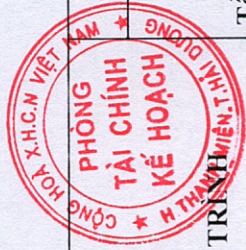
CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 30/BC-TCKH ngày 30/9/2022 của Phòng TC-KH huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng													
TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022				Ước giải ngân 9 tháng đầu năm 2022	Trong đó:					Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bao gồm:		Nguồn KH vốn đầu tư công 2022		Bao gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang			
			Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn tiêu chí định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất					
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11	
	TỔNG NGUỒN VỐN (A+B+C)	185.973	17.973	168.000	124.493	89.795	10.000	79.795	975	33.723	66,9	48,3	
A	VỐN BÓ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CỦA HUYỆN	124.723	17.973	106.750	86.393	51.695	10.000	41.695	975	33.723	69,3		
I	Các dự án Quy hoạch, đo đạc, quản lý đất đai của huyện	15.000	0	15.000	495	495	0	495	0	0	3,3		
1	Dự án Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng và GPMB mở rộng Trung tâm Y tế huyện; mở rộng trường THPT Thanh Miện 3	5.000		5.000	-	-							
2	Các dự án Quy hoạch, đo đạc, lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai khác	10.000		10.000	-	-							
2.1	Quy hoạch xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện	0			291	291		291					
2.2	Quy hoạch xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện	0			204	204		204					
II	Các dự án, công trình chuyển tiếp năm 2021 sang	67.000	6.000	61.000	54.998	39.200	6.000	33.200	975	14.823	82,1		
1	Xây dựng Hội trường, Nhà văn hóa trung tâm huyện Thanh Miện và các hạng mục phụ trợ.	13.000	3.000	10.000	10.503	3.900	3.000	900		6.603	80,8		
2	Dự án: Nhà công vụ, thuộc Khu hành chính tập trung của huyện.	6.000	3.000	3.000	12.500	5.000	3.000	2.000		7.500	208,3		
3	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 195, đoạn từ Km4+300 - Km7+800	20.000		20.000	10.200	10.200		10.200			51,0		

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Ước giải ngân 9 tháng đầu năm 2022	Trong đó:						Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bao gồm:			Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bao gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang			
			Vốn XD CB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn tiêu chí định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất					
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11	
4	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Bình Xuyên - Ngõ Quyền - Tân Trào	28.000		28.000	20.100	20.100		20.100			71,8		
5	Làm thủy lợi Đông Xuân 2021-2022 huyện Thanh Miện	0			975	-			974,696				
6	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 392B (đoạn từ Km3+944 đến Km12+500); đường tỉnh 399 (đoạn từ Km1+518 đến Km2+401) và Quốc lộ 38B (đoạn từ Km13+000 đến Km13+800)	0			500	-				500			
7	Hạ tầng kỹ thuật trường THCS Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện; Hàng mục: San lấp, tường kê và đường vào	0			220	-				220			
III	Các dự án, công trình khởi công mới năm 2022	42.723	11.973	30.750	30.900	12.000	4.000	8.000	0	18.900	72,3		
1	Hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 392C (đoạn từ thị trấn Thanh Miện đi các xã: Lê Hồng, Đoàn Kết, Tân Trào)	5.500	2.500	3.000	10.500	5.500	2.500	3.000		5.000	190,9		
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 396 (từ ngã tư Tiêu Lâm, xã Ngũ Hùng đến Khu du lịch sinh thái Dao Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện)	3.500	1.500	2.000	6.000	3.500	1.500	2.000		2.500	171,4		
3	Tu bổ, tôn tạo Đền tưởng niệm liệt sỹ huyện	5.500	1.500	4.000	-	-	-				-		
4	Cải tạo vỉa hè (phía bờ sông) đường tỉnh 392, đoạn từ Trung tâm Y tế huyện đến ngã ba Trương	3.500	2.000	1.500	4.700	-	-			4.700	134,3		
5	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ Huyện ủy đến Ủy ban nhân dân huyện	3.000	1.500	1.500	4.600	-	-			4.600	153,3		
6	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện, cơ sở xã Ngũ Hùng	2.000		2.000	4.100	2.000		2.000		2.100	205,0		

Page 2



TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Ước giải ngân 9 tháng đầu năm 2022	Trong đó:					Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú	
		Tổng số	Bao gồm:			Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bao gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang			
			Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn chi định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất					
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11	
7	Cải tạo đường xã Hồng Phong đoạn nối từ đường tỉnh 392B đến đường huyện Cao Thắng - Tiền Phong	6.500		6.500	-	-						-	
8	Cải tạo nhà làm việc UBND huyện và nhà làm việc khối đoàn thể	1.500		1.500	-	-						-	
9	Xây dựng Khối nhà làm việc HĐND - UBND huyện và các công trình phụ trợ, thuộc Khu hành chính tập trung của huyện	1.000		1.000	-	-						-	
10	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 396, đoạn từ ngã tư Tiêu Lâm, xã Ngũ Hùng tới cầu Dao, xã Chi Lăng Nam	500		500	-	-						-	
11	Xây dựng đường vành đai phía Đông Nam huyện và cầu bắc qua sông Cửu An, sông Luộc, nối Thanh Miện với huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	500		500	-	-						-	
12	Cải tạo, nâng cấp công cảng phía Đông huyện	500	500	0	500	500		500				100,0	
13	Cải tạo, nâng cấp công cảng phía Bắc huyện	500	500	0	500	500		500				100,0	
14	Xây dựng Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Lương Bằng, huyện Thanh Miện	1.973	1.973	0	-	-						-	
15	Xây dựng Khu hành chính tập trung huyện; Hạng mục: Đường giao thông và hệ thống thoát nước (giai đoạn 1)	1.500	0	1.500	-	-						-	
16	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến Cầu Neo cũ) và vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Thanh Miện (đoạn từ trụ sở UBND huyện đến công cảng phía Đông)	5.250	0	5.250	-	-						-	
B	HỖ TRỢ CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỦA HUYỆN	61.250	0	61.250	38.100	38.100	0	38.100	0	0	0	62,2	0

TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Ước giải ngân 9 tháng đầu năm 2022	Trong đó:					Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bao gồm:			Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bao gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang		
			Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn tiêu chí định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất				
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11
I	Các DA, công trình HTKT điểm dân cư mới huyện giao cấp xã làm chủ đầu tư chuyển tiếp năm 2021 sang	10.600	0	10.600	10.600	10.600	0	10.600	0	0	100,0	0
1	Điểm dân cư mới Khu trung tâm xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện; Hàng mục: San lấp mặt bằng.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
2	Điểm dân cư mới Khu trung tâm xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện; Hàng mục: Nền mặt đường, vỉa hè, thoát nước.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Ngọc Lập, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
4	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới khu dân cư số 1, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện.	1.000		1.000	1.000	1.000		1.000			100,0	
5	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện.	3.000		3.000	3.000	3.000		3.000			100,0	
6	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn An Xá, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện.	1.600		1.600	1.600	1.600		1.600			100,0	
7	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện.	1.500		1.500	1.500	1.500		1.500			100,0	
8	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Cự Trì, xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện.	500		500	500	500		500			100,0	
II	Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng các công trình HTKT điểm dân cư mới của các xã khởi công mới 2022	30.500	0	30.500	15.000	15.000	0	15.000	0	0	49,2	0
1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tập trung Thờ Nợ, xã Đoàn Tùng	15.000		15.000	15.000	15.000		15.000			100,0	
2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới khu Triệu Nội, thị trấn Thanh Miện	11.500		11.500	-	-					-	

Page 4



TT	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022			Ước giải ngân 9 tháng đầu năm 2022	Trong đó:					Tỷ lệ % giải ngân nguồn vốn	Ghi chú
		Tổng số	Bảo gồm:			Nguồn KH vốn đầu tư công 2022	Bảo gồm:		Nguồn dự toán NSH hỗ trợ chi đầu tư	Nguồn chuyển nguồn 2021 sang		
			Vốn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn chi định mức	Vốn thu tiền sử dụng đất				
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9	5=6+7	6	7	8	9	10=4/1	11
3	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Bằng Bô, xã Cao Thắng	4.000		4.000	-	-					-	
III	Hỗ trợ theo các chương trình của huyện	20.150	0	20.150	12.500	12.500	0	12.500	0	0	62,0	
1	Hỗ trợ Công an huyện công trình: Nâng tầng hai, nhà làm việc Đội Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp - Công an huyện	550		550	-	-					-	
2	Hỗ trợ Công an huyện công trình: Cải tạo hội trường và các hạng mục phụ trợ	500		500	500	500		500			100,0	
3	Hỗ trợ xây dựng trụ sở Công an xã (dự kiến 04 xã x 500 triệu đồng/xã)	2.000		2.000	2.000	2.000		2.000			100,0	
4	Hỗ trợ các Trường THPT cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất (THPT Thanh Miện I: 300trđ; THPT Thanh Miện II: 500trđ; THPT Thanh Miện III: 300trđ)	1.100		1.100	-	-					-	
5	Hỗ trợ UBND xã Lam Sơn: Đầu tư nâng cấp Bia chiến thắng chợ Truong	2.000		2.000	-	-					-	
6	Hỗ trợ UBND xã Lam Sơn: Công trình di chuyển trạm biến áp Thọ Truong, xã Lam Sơn	300		300	-	-					-	
7	Hỗ trợ UBND xã Phạm Kha: Công trình di chuyển trạm biến áp Suối Mè, xã Phạm Kha	300		300	-	-					-	
8	Hỗ trợ UBND các xã, thị trấn xây mới và sửa chữa nhà văn hóa các thôn, khu dân cư (Dự kiến xây mới 05 nhà VH; sửa chữa 09 nhà VH)	2.400		2.400	-	-					-	
9	Hỗ trợ xây dựng cải tạo, nâng cấp các cầu trên địa bàn huyện	1.000		1.000	-	-					-	
10	Hỗ trợ các xã xây dựng Nông thôn mới nâng cao	10.000		10.000	10.000	10.000		10.000			-	